

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị tổng hợp: Thành phố Hải Phòng  
 Tên đơn vị tổng hợp: UBND Phường Nhị Chiểu  
 Mã đơn vị tổng hợp: T02112

Mẫu số 01b-BC/TSCĐ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**  
 Tổng hợp theo loại hình đơn vị  
 (Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản				Chịu ảnh hưởng thiên tai từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)		
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hỏng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
<b>I</b>	<b>CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</b>																			
<b>1</b>	<b>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (***)</b>	-				-				157.227.833.435	142.874.239.760	25		25						25
1.1	<b>Đất</b>	-	4			-	20.089			122.335.500.000	122.335.500.000	4		4						4
1.1.1	Đất trụ sở làm việc	Khuôn viên	4			m2	20.089			122.335.500.000	122.335.500.000	4		4						4
1.1.2	Đất công trình sự nghiệp	Khuôn viên				m2														
1.2	<b>Nhà</b>	-	9			-	5.623,02			30.856.683.216	18.777.180.848	9		9						9
1.2.1	Biệt thự, công trình đặc biệt	Cái				m2														
1.2.2	Nhà cấp I	Cái				m2														
1.2.3	Nhà cấp II	Cái				m2														
1.2.4	Nhà cấp III	Cái	5			m2	4.415,02			24.887.658.216	16.355.012.865	5		5						5
1.2.5	Nhà cấp IV	Cái	4			m2	1.208			5.969.025.000	2.422.167.983	4		4						4
1.3	<b>Vật kiến trúc</b>	-	12			-				4.035.650.219	1.761.558.912	12		12						12
1.3.1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi	Cái	4							2.003.298.397	1.384.558.036	4		4						4
1.3.2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào	Cái	4							1.580.592.000	179.493.300	4		4						4
1.3.3	Vật kiến trúc khác	Cái	4							451.759.822	197.507.576	4		4						4
1.4	<b>Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực</b>	Công trình																		
1.5	<b>Công trình xây dựng khác</b>	Công trình																		
2	<b>Xe ô tô</b>	-				-														
2.1	<b>Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh</b>	-				-														
2.1.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái																		
2.1.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	Cái																		
2.2	<b>Xe ô tô phục vụ công tác chung</b>	-				-														









1.2.2	Nhà cấp I	Cái			m2														
1.2.3	Nhà cấp II	Cái			m2														
1.2.4	Nhà cấp III	Cái			m2														
1.2.5	Nhà cấp IV	Cái			m2														
1.3	Vật kiến trúc	-			-														
1.3.1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi	Cái			-														
1.3.2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào	Cái			-														
1.3.3	Vật kiến trúc khác	Cái			-														
1.4	Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực	Công trình			-														
1.5	Công trình xây dựng khác	Công trình			-														
2	Xe ô tô	-			-		812.450.000	541.497.925	1		1								1
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh	-			-														
2.1.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái			-														
2.1.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	Cái			-														
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	-		1	-		812.450.000	541.497.925	1		1								1
2.2.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái		1	-		812.450.000	541.497.925	1		1								1
2.2.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	Cái			-														
2.2.3	Xe ô tô 9-12 chỗ ngồi	Cái			-														
2.2.4	Xe ô tô 13-16 chỗ ngồi	Cái			-														
2.2.5	Xe ô tô bán tải	Cái			-														
2.3	Xe ô tô chuyên dùng	-			-														
2.3.1	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	Cái			-														
2.3.2	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	Cái			-														
2.3.3	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết	Cái			-														
2.3.4	Xe ô tô tải	Cái			-														
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	Cái			-														
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Cái			-														
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	-			-														
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	Cái			-														
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	Cái			-														
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	Cái			-														
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	Cái			-														
3.5	Phương tiện vận tải khác	Cái			-														
4	Máy móc, thiết bị	-			-		502.648.705	218.015.603	34		34								34
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	Cái		19	-		276.603.073	136.494.124	19		19								19
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	Cái		15	-		226.045.632	81.521.479	15		15								15
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Cái			-														
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	-			-														
5.1	Các loại súc vật	Con			-														
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	Cây/Vườn			-														







8.2	Quyền sở hữu công nghiệp	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ				-														
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ				-														
8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm				-														
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái				-														
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản				-														
<b>TỔNG CỘNG</b>			1.273	0	0					1.434.204.349.692	1.293.917.100.808	1.273	0	1.273	0	0	0	6	1.267	6

....., ngày 31 tháng 03 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị tổng hợp

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHỦ TỊCH**  
**LÃNH DUY TIẾN**









..... ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Thủ trưởng đơn vị tổng hợp**

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHỦ TỊCH  
LÃNH DUY TIẾN**





Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị tổng hợp: Thành phố Hải Phòng  
 Tên đơn vị tổng hợp: UBND Phường Nhị Chiểu  
 Mã đơn vị tổng hợp: T02112

Mẫu số 01c-BC/TSCD



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**  
 Tổng hợp chung  
 (Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản			Chịu ảnh hưởng thiếu hụt từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)			
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hỏng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (***)	-				-				1.410.575.795.793	1.289.885.023.944	310		310				6	304	6
1.1	Đất	-	35			-	159.430,7			1.192.487.090.000	1.192.487.090.000	35		35					35	
1.1.1	Đất trụ sở làm việc	Khuôn viên	4			m2	20.089			122.335.500.000	122.335.500.000	4		4					4	
1.1.2	Đất công trình sự nghiệp	Khuôn viên	31			m2	139.341,7			1.070.151.590.000	1.070.151.590.000	31		31					31	
1.2	Nhà	-	144			-	49.384,18			184.552.778.081	84.091.517.293	144		144				6	138	6
1.2.1	Biệt thự, công trình đặc biệt	Cái				m2														
1.2.2	Nhà cấp I	Cái				m2														
1.2.3	Nhà cấp II	Cái				m2														
1.2.4	Nhà cấp III	Cái	16			m2	8.500,38			48.291.684.649	30.861.817.146	16		16					16	
1.2.5	Nhà cấp IV	Cái	128			m2	40.883,8			136.261.093.432	53.229.700.147	128		128				6	122	6
1.3	Vật kiến trúc	-	131			-				33.535.927.712	13.306.416.651	131		131					131	
1.3.1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi	Cái	56			-				15.254.280.527	8.377.318.436	56		56					56	
1.3.2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào	Cái	15			-				3.489.312.591	688.020.855	15		15					15	
1.3.3	Vật kiến trúc khác	Cái	60			-				14.792.334.594	4.241.077.360	60		60					60	
1.4	Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực	Công trình				-														
1.5	Công trình xây dựng khác	Công trình				-														
2	Xe ô tô	-				-				812.450.000	541.497.925	1		1					1	
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh	-				-														
2.1.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái				-														
2.1.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	Cái				-														
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	-	1			-				812.450.000	541.497.925	1		1					1	
2.2.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái	1			-				812.450.000	541.497.925	1		1					1	



8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	84		-			1.035.100.000	70.200.000	84		84					84		
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái			-														
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản			-														
<b>TỔNG CỘNG</b>			1.273	0	0			1.434.204.349.692	1.293.917.100.808	1.273	0	1.273	0	0	0	0	6	1.267	6

....., ngày 31 tháng 03 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị tổng hợp

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHỦ TỊCH**  
**LÃNH DUY TIẾN**









Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị tổng hợp: Thành phố Hải Phòng  
 Tên đơn vị tổng hợp: UBND Phường Nhị Chiểu  
 Mã đơn vị tổng hợp: T02112

Mẫu số 10c-BC/HTTMC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI LÀ CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**  
 Tổng hợp chung  
 (Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị			Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản			Chịu ảnh hưởng thiên tai từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)			
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hỏng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
I	Đất	Khuôn viên	2			m2	6.002,2	2,2		79.000.000.000	79.000.000.000		2		2						2
II	Công trình chính		1			-				581.229.000			1		1						1
1	Nhà	Cái				m2															
2	Vật kiến trúc	Cái	1			-				581.229.000			1		1						1
III	Hệ thống kỹ thuật					-															
1	Hệ thống giao thông nội bộ	Hệ thống				m															
2	Hệ thống cấp thoát nước	Hệ thống				-															
3	Hệ thống điện	Hệ thống				-															
4	Hệ thống thông tin	Hệ thống				-															
5	Hệ thống camera quan sát	Hệ thống				-															
6	Hệ thống thông gió	Hệ thống				-															
7	Hệ thống điều hòa không khí	Hệ thống				-															
8	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Hệ thống				-															
9	Hệ thống thu gom rác thải	Hệ thống				-															
IV	Công trình khác trong phạm vi chợ	Công trình				-															
	<b>TỔNG CỘNG</b>		3	0	0					79.581.229.000	79.000.000.000		0	3	0	3	0	0	0	0	3

....., ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Thủ trưởng đơn vị tổng hợp**  
(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHỦ TỊCH**  
**LÃNH DUY TIẾN**





Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị tổng hợp: Thành phố Hải Phòng  
 Tên đơn vị tổng hợp: UBND Phường Nhị Chiểu  
 Mã đơn vị tổng hợp: T02112

Mẫu số 014-BC/TSCĐ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**  
 Tổng hợp tài sản đã xác định giá trị tài sản (Nguyên giá > 1 đồng)  
 (Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản				Chịu ảnh hưởng thiên tai từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)		
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được-SD đúng mục đích	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hồng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (***)	-				-				1.410.575.795.793	1.289.885.023.944	310		310				6	304	6
1.1	Đất	-	35			-	159.430,7			1.192.487.090.000	1.192.487.090.000	35		35					35	
1.1.1	Đất trụ sở làm việc	Khuôn viên	4			m2	20.089			122.335.500.000	122.335.500.000	4		4					4	
1.1.2	Đất công trình sự nghiệp	Khuôn viên	31			m2	139.341,7			1.070.151.590.000	1.070.151.590.000	31		31					31	
1.2	Nhà	-	144			-	49.384,18			184.552.778.081	84.091.517.293	144		144				6	138	6
1.2.1	Biệt thự, công trình đặc biệt	Cái				m2														
1.2.2	Nhà cấp I	Cái				m2														
1.2.3	Nhà cấp II	Cái				m2														
1.2.4	Nhà cấp III	Cái	16			m2	8.500,38			48.291.684.649	30.861.817.146	16		16					16	
1.2.5	Nhà cấp IV	Cái	128			m2	40.883,8			136.261.093.432	53.229.700.147	128		128				6	122	6
1.3	Vật kiến trúc	-	131			-				33.535.927.712	13.306.416.651	131		131					131	
1.3.1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi	Cái	56			-				15.254.280.527	8.377.318.436	56		56					56	
1.3.2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào	Cái	15			-				3.489.312.591	688.020.855	15		15					15	
1.3.3	Vật kiến trúc khác	Cái	60			-				14.792.334.594	4.241.077.360	60		60					60	
1.4	Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực	Công trình				-														
1.5	Công trình xây dựng khác	Công trình				-														
2	Xe ô tô	-				-				812.450.000	541.497.925	1		1					1	
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh	-				-														
2.1.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái				-														
2.1.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	Cái				-														
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	-	1			-				812.450.000	541.497.925	1		1					1	
2.2.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	Cái	1			-				812.450.000	541.497.925	1		1					1	





8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	84		-			1.035.100.000	70.200.000	84		84					84		
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái			-														
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản			-														
<b>TỔNG CỘNG</b>			1.273	0	0			1.434.204.349.692	1.293.917.100.808	1.273	0	1.273	0	0	0	0	6	1.267	6

....., ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Thủ trưởng đơn vị tổng hợp**  
(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHỦ TỊCH**  
**LÃNH DUY TIÊN**



Ghi chú: Việc báo cáo được thực hiện theo số liệu tổng cộng tương ứng với từng nhóm tài sản tại cột (2)

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị tổng hợp: Thành phố Hải Phòng  
 Tên đơn vị tổng hợp: UBND Phường Nhị Chiểu  
 Mã đơn vị tổng hợp: T02112

Mẫu số 02d-BC/HTĐB

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**  
 Tổng hợp tài sản đã xác định giá trị tài sản (Nguyên giá > 1 đồng)  
 (Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

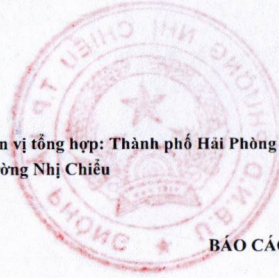
STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị			Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản				Chịu ảnh hưởng thiên tai từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)		
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được-SD đúng mục đích	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hỏng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho đường bộ	-				-				518.164.911.000	317.970.997.395		23			23					23
1.1	Đường và các công trình phụ trợ gắn với đường	-	23			-	42,84			518.164.911.000	317.970.997.395		23			23					23
1.1.1	Đường cao tốc	Tuyến/Đoạn đường				Km															
1.1.2	Đường quốc lộ	Tuyến/Đoạn đường				Km															
1.1.3	Đường tỉnh	Tuyến/Đoạn đường				Km															
1.1.4	Đường xã	Tuyến/Đoạn đường	23			Km	42,84			518.164.911.000	317.970.997.395		23			23					23
1.1.5	Đường đô thị	Tuyến/Đoạn đường				Km															
1.2	Tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho đường bộ	-				-															
1.2.1	Hệ thống khảo sát tình trạng mặt đường	Hệ thống				-															
1.2.2	Hệ thống hồ sơ số hóa	Hệ thống				-															







Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị tổng hợp: Thành phố Hải Phòng  
 Tên đơn vị tổng hợp: UBND Phường Nhị Chiểu  
 Mã đơn vị tổng hợp: T02112



Mẫu số 10d-BC/HTTMC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI LÀ CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**  
 Tổng hợp tài sản đã xác định giá trị tài sản (Nguyên giá > 1 đồng)  
 (Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị			Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản				Chịu ảnh hưởng thiên tai từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)			
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được-SD đúng mục đích	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hỏng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	
I	Đất	Khuôn viên	2			m2	6.002,2	2,2		79.000.000.000	79.000.000.000		2		2						2	
II	Công trình chính		1			-				581.229.000			1		1						1	
1	Nhà	Cái				m2																
2	Vật kiến trúc	Cái	1			-				581.229.000			1		1						1	
III	Hệ thống kỹ thuật					-																
1	Hệ thống giao thông nội bộ	Hệ thống				m																
2	Hệ thống cấp thoát nước	Hệ thống				-																
3	Hệ thống điện	Hệ thống				-																
4	Hệ thống thông tin	Hệ thống				-																
5	Hệ thống camera quan sát	Hệ thống				-																
6	Hệ thống thông gió	Hệ thống				-																
7	Hệ thống điều hòa không khí	Hệ thống				-																
8	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Hệ thống				-																
9	Hệ thống thu gom rác thải	Hệ thống				-																
IV	Công trình khác trong phạm vi chợ	Công trình				-																
	<b>TỔNG CỘNG</b>		3	0	0					79.581.229.000	79.000.000.000		0	3	0	3	0	0	0	0	3	0

..... ngày 31 tháng 03 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị tổng hợp

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHỦ TỊCH**  
**L.ÁNH DUY TIẾN**

Hướng dẫn lập Mẫu số 10c-BC/HTTC:

Việc báo cáo được thực hiện theo số liệu tổng cộng tương ứng với từng nhóm tài sản tại cột (2)



